

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG TP.HCM

Trụ sở chính: 121 Châu Văn Liêm, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 38 536 883 Fax: (08) 38 592 896

Người thực hiện công bố thông tin: ông Huỳnh Trí Dũng

Địa chỉ: 121 Châu Văn Liêm, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): (08) 38 536 883 Fax: (08) 38 592 896

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh thông báo tình hình công bố thông tin:

Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017 được đơn vị kiểm toán soát xét.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 30 tháng 8 năm 2017

Người thực hiện công bố thông tin
TỔNG GIÁM ĐỐC



Huỳnh Trí Dũng



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(đã được soát xét)

A member of  International

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06 - 28
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh, trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh, một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa và chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần 5 số 0300423479 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 07 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 121, đường Châu Văn Liêm, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Hưng Út	Chủ tịch
Ông Lê Mạnh Thường	Phó Chủ tịch
Ông Huỳnh Trí Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Thọ	Thành viên
Ông Nguyễn Trường Bảo Khánh	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Huỳnh Trí Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Chiến Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Chí Nam	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Xuân Liễu	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tấn Phong	Thành viên
Ông Trần Nam Trung	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Huỳnh Trí Dũng

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh

ngày 30 tháng 08 năm 2017

Huỳnh Trí Dũng

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 08 năm 2017

Số: 2147/2017/BC.KTTC-AASC.KT1

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh được lập ngày 30 tháng 08 năm 2017, từ trang 6 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại thời điểm 31/12/2016 và 30/06/2017, một số khoản phải thu tồn đọng với tổng số tiền là 5,9 tỷ đồng đang được theo dõi trên khoản mục Phải thu ngắn hạn của khách hàng. Chúng tôi không thu thập được các tài liệu cần thiết để đánh giá khả năng thu hồi của các khoản công nợ này. Do đó chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính giữa niên độ đến các vấn đề sau:

- Như trình bày tại Thuyết minh số 10 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty đang phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh trong thời hạn 10 năm kể từ ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần - ngày 01 tháng 07 năm 2016 theo hướng dẫn của Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần. Tuy nhiên, việc phân bổ như trên khác biệt với hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, theo đó lợi thế kinh doanh được phân bổ tối đa không quá 3 năm.
- Tại thời điểm phát hành Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ, Báo cáo quyết toán cổ phần hóa chưa được phê duyệt. Theo đó, số liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty có thể thay đổi khi Báo cáo quyết toán cổ phần hoá được phê duyệt.
- Như đã trình bày tại Thuyết minh số 25 - Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty đang tạm tính và ghi nhận quỹ lương của 06 tháng đầu năm 2017 vào chi phí trong kỳ với số tiền 49,7 tỷ đồng. Đây là giá trị tạm tính trên cơ sở quỹ lương kế hoạch đã được phê duyệt, quỹ lương thực hiện của năm 2017 sẽ do Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt khi có kết quả kinh doanh chính thức của cả năm 2017.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 29 - Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng có thể không so sánh được với số liệu kỳ này.

Kết luận ngoại trừ nêu trên của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nhấn mạnh này.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0777-2013-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
		VND	(Đã điều chỉnh) VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		300.584.873.988	399.170.271.182
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	124.533.966.600	126.958.167.721
111 1. Tiền		64.598.949.204	35.545.087.457
112 2. Các khoản tương đương tiền		59.935.017.396	91.413.080.264
130 II. Các khoản phải thu ngắn hạn		143.497.860.861	207.176.105.331
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	120.637.622.286	152.527.336.419
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	1.644.196.734	3.135.142.884
136 3. Phải thu ngắn hạn khác	6	21.873.755.637	52.171.339.824
137 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(657.713.796)	(657.713.796)
140 III. Hàng tồn kho	8	28.711.681.236	57.047.053.698
141 1. Hàng tồn kho		30.056.409.954	58.391.782.416
149 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.344.728.718)	(1.344.728.718)
150 IV. Tài sản ngắn hạn khác		3.841.365.291	7.988.944.432
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	194.585.069	-
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	733.763.090
153 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	3.646.780.222	7.255.181.342
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		133.723.486.691	121.665.504.343
210 I. Các khoản phải thu dài hạn		22.328.395.000	-
211 1. Phải thu dài hạn của khách hàng	4	22.328.395.000	-
220 II. Tài sản cố định		32.418.835.464	37.902.320.540
221 1. Tài sản cố định hữu hình	9	32.418.835.464	37.902.320.540
222 - Nguyên giá		75.667.669.891	75.667.669.891
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(43.248.834.427)	(37.765.349.351)
260 III. Tài sản dài hạn khác		78.976.256.227	83.763.183.803
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	10	78.976.256.227	83.763.183.803
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		434.308.360.679	520.835.775.525

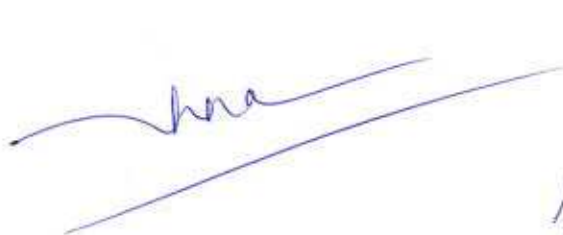


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
		VND	(Đã điều chỉnh) VND
300 C. NỢ PHẢI TRẢ		118.456.887.408	197.718.899.161
310 I. Nợ ngắn hạn		118.456.887.408	197.718.899.161
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	37.206.775.025	63.372.452.755
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		680.732.936	680.732.936
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	5.095.405.175	441.705.152
314 4. Phải trả người lao động		29.631.202.605	70.090.620.739
315 5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	5.173.722.390	6.012.542.311
319 6. Phải trả ngắn hạn khác	14	22.268.102.709	37.714.811.705
322 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		18.400.946.568	19.406.033.563
400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		315.851.473.271	323.116.876.364
410 I. Vốn chủ sở hữu	15	312.898.274.527	320.163.677.620
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		284.000.000.000	284.000.000.000
411a - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		284.000.000.000	284.000.000.000
412 2. Thặng dư vốn cổ phần		14.232.309.026	14.232.309.026
421 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		14.665.965.501	21.931.368.594
421a - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		232.361.023	-
421b - LNST chưa phân phối kỳ này		14.433.604.478	21.931.368.594
430 II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác		2.953.198.744	2.953.198.744
431 1. Nguồn kinh phí	16	2.953.198.744	2.953.198.744
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		434.308.360.679	520.835.775.525



Trương Thị Thùy Ngân
Người lập biểu
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 08 năm 2017



Nguyễn Thị Xuân Đông
Kế toán trưởng



Huỳnh Trí Dũng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	161.918.429.633	151.343.473.379
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp		161.918.429.633	151.343.473.379
11	3. Giá vốn hàng bán	18	117.369.313.254	107.529.385.440
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp		44.549.116.379	43.814.087.939
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	19	1.523.344.499	1.676.718.028
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	27.779.807.731	30.915.756.583
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		18.292.653.147	14.575.049.384
31	8. Thu nhập khác		577.907.074	653.309.728
32	9. Chi phí khác		828.554.623	164.345.006
40	10. Lợi nhuận khác		(250.647.549)	488.964.722
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		18.042.005.598	15.064.014.106
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	3.608.401.120	3.035.214.185
60	13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		14.433.604.478	12.028.799.921
70	14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22		

Trương Thị Thùy Ngân

Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 08 năm 2017

Nguyễn Thị Xuân Đông

Kế toán trưởng

Huỳnh Trí Dũng

Tổng Giám đốc



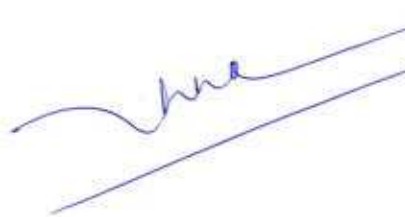
110
NG T
HỆ M
KIỂM
AS
KIỂM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu	6 tháng đầu
		năm 2017	năm 2016
		VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	176.944.687.865	164.149.142.610
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(80.607.550.171)	(64.827.499.019)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(81.304.621.025)	(63.387.148.319)
06	4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	1.364.167.418	182.931.923.650
07	5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(19.548.177.421)	(208.519.041.788)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(3.151.493.334)	10.347.377.134
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	116.489.216
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	80.000.000.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	1.855.408.352	1.478.785.972
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	1.855.408.352	81.595.275.188
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(1.128.116.139)	(55.035.490.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(1.128.116.139)	(55.035.490.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(2.424.201.121)	36.907.162.322
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	126.958.167.721	154.215.273.014
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	191.122.435.336
		124.533.966.600	191.122.435.336



Trương Thị Thùy Ngân

Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 08 năm 2017



Nguyễn Thị Xuân Đông

Kế toán trưởng



Huỳnh Trí Dũng

Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh, trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh, một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa và chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần 5 số 0300423479 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 07 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 121, đường Châu Văn Liêm, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 284.000.000.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là: Hoạt động công ích, quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, camera quan sát; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; lắp đặt hệ thống điện, sản xuất thiết bị chiếu sáng và các hoạt động kinh doanh khác.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ

Trong kỳ, hoạt động của Công ty không có nhiều thay đổi so với các kỳ trước đó, Công ty tiếp tục ký hợp đồng với các Khu quản lý và vẫn hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực duy tu, sửa chữa các công trình liên quan đến hoạt động chiếu sáng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính giữa niên độ và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm

2.8 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

2.9 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.10 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.12 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.13 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.14 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.15 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	113.795.344	208.902.694
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	64.485.153.860	35.336.184.763
Các khoản tương đương tiền (i)	59.935.017.396	91.413.080.264
	<u>124.533.966.600</u>	<u>126.958.167.721</u>

(i) Tại ngày 30/06/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam với lãi suất từ 4,8%/ năm đến 5,5%/ năm.

4 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Khu Quản lý giao thông đô thị số 1	28.672.202.839	41.027.085.186
Khu Quản lý giao thông đô thị số 2	5.832.859.919	7.499.568.214
Khu Quản lý giao thông đô thị số 3	44.156.220.955	62.028.431.555
Khu Quản lý giao thông đô thị số 4	19.494.261.161	28.018.028.213
Sở Giao thông Vận tải tỉnh Tây Ninh	31.213.989.000	-
Các đối tượng khác	13.596.483.412	13.954.223.251
	142.966.017.286	152.527.336.419
b) Phải thu khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	120.637.622.286	152.527.336.419
Các khoản phải thu khách hàng dài hạn	22.328.395.000	-
	142.966.017.286	152.527.336.419

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Điện Viễn thông Minh Khoa	133.782.527	-	1.741.497.727	-
Trường Cao đẳng Điện Lực TP. HCM	331.454.000	-	331.454.000	-
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu	322.967.000	-	349.621.900	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Lê Châu	290.161.800	-	290.161.800	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Hà Sơn	281.171.500	-	162.235.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điện Liên Anh	227.450.107	-	227.450.107	-
Các đối tượng khác	57.209.800	-	32.722.350	-
	1.644.196.734	-	3.135.142.884	-

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2017		01/01/2017 (Đã điều chỉnh)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu Ngân sách Nhà nước do vay ODA hộ	-	-	33.983.501.891	-
Dự thu lãi tiền gửi	192.188.888	-	522.550.001	-
Ký quỹ đảm bảo thực hiện hợp đồng	16.652.364.420	-	13.442.387.269	-
Phải thu tiền cổ phần hóa	172.798.862	-	-	-
Phải thu thuế TNCN	844.530.431	-	269.346.570	-
Phải thu lương viên chức quản lý năm 2013 (i)	2.675.550.011	-	2.675.550.011	-
Tạm ứng	85.080.200	-	41.760.000	-
Phải thu Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh phần lợi nhuận nộp thừa	1.218.179.082	-	1.218.179.082	-
Phải thu khác	33.063.743	-	18.065.000	-
	<u>21.873.755.637</u>	<u>-</u>	<u>52.171.339.824</u>	<u>-</u>

(i) Khoản phải thu lương viên chức quản lý năm 2013 sẽ được thu hồi sau khi Công ty quyết toán chính thức số phải trả cho viên chức quản lý. Theo đó, số phải thu này sẽ được bù trừ với phần phải trả đang theo dõi trên khoản mục phải trả khác và từ quỹ thưởng viên chức quản lý.

7 . NỢ XẤU

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	657.713.796	-	657.713.796	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty cổ phần xây dựng công trình giao thông 810 - Chi nhánh phía Nam	657.713.796	-	657.713.796	-
	<u>657.713.796</u>	<u>-</u>	<u>657.713.796</u>	<u>-</u>

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	20.321.423.999	-	19.200.150.966	-
Công cụ, dụng cụ	108.939.700	-	91.939.700	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	9.405.929.469	(1.344.728.718)	38.846.068.893	(1.344.728.718)
Thành phẩm	220.116.786	-	253.622.857	-
	<u>30.056.409.954</u>	<u>(1.344.728.718)</u>	<u>58.391.782.416</u>	<u>(1.344.728.718)</u>

(i) Công ty trích lập dự phòng 100% giá trị các công trình dở dang không thể triển khai với tổng số tiền là 1.344.728.718 VND.

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	33.905.931.917	2.882.289.900	36.731.222.029	2.148.226.045	75.667.669.891
Số dư cuối kỳ	33.905.931.917	2.882.289.900	36.731.222.029	2.148.226.045	75.667.669.891
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	10.193.761.694	1.901.585.890	24.224.349.882	1.445.651.885	37.765.349.351
- Khấu hao trong kỳ	711.920.412	261.035.136	4.197.225.374	313.304.154	5.483.485.076
Số dư cuối kỳ	10.905.682.106	2.162.621.026	28.421.575.256	1.758.956.039	43.248.834.427
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	23.712.170.223	980.704.010	12.506.872.147	702.574.160	37.902.320.540
Tại ngày cuối kỳ	23.000.249.811	719.668.874	8.309.646.773	389.270.006	32.418.835.464

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết còn sử dụng: 3.435.765.262 VND.

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	194.585.069	-
	<u>194.585.069</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn		
Lợi thế thương mại (i)	78.077.701.209	82.415.351.275
Công cụ dụng cụ xuất dùng	898.555.018	1.347.832.528
	<u>78.976.256.227</u>	<u>83.763.183.803</u>

(i) Giá trị lợi thế kinh doanh được xác định căn cứ theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Quyết định số 6039/QĐ/UBND ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hoá. Giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong thời hạn 10 năm theo hướng dẫn tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 05 tháng 09 năm 2014 kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2016.

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Thiết bị Nghe nhìn Bán Sao Việt	5.974.320.000	5.974.320.000	8.286.960.000	8.286.960.000
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Xây dựng Thiên Minh	5.553.036.830	5.553.036.830	5.870.712.100	5.870.712.100
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Tân Mỹ Á	5.268.873.632	5.268.873.632	4.313.950.982	4.313.950.982
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Đại Quang Phát	1.001.387.337	1.001.387.337	10.013.873.375	10.013.873.375
Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại và Xây dựng HITECH Việt Nam	3.598.113.970	3.598.113.970	9.699.342.180	9.699.342.180
Các đối tượng khác	15.811.043.256	15.811.043.256	25.187.614.118	25.187.614.118
	<u>37.206.775.025</u>	<u>37.206.775.025</u>	<u>63.372.452.755</u>	<u>63.372.452.755</u>

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<u>Số phải thu đầu kỳ</u>	<u>Số phải nộp đầu kỳ</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số phải thu cuối kỳ</u>	<u>Số phải nộp cuối kỳ</u>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	3.318.601.286	229.490.000	-	3.089.111.286
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.255.181.342	-	3.608.401.120	-	3.646.780.222	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	441.705.152	5.916.558.779	4.351.970.042	-	2.006.293.889
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	396.050.137	396.050.137	-	-
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
	<u>7.255.181.342</u>	<u>441.705.152</u>	<u>13.244.611.322</u>	<u>4.982.510.179</u>	<u>3.646.780.222</u>	<u>5.095.405.175</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trích trước chi phí công trình	5.173.722.390	6.012.542.311
	5.173.722.390	6.012.542.311

14 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2017	01/01/2017 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Phải trả xây dựng trung tâm điều khiển	-	33.983.501.891
Phải trả về cổ phần hóa	-	16.001.138
Phải trả thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS, thư ký HĐQT	3.462.000.000	-
Phải trả về cổ tức	14.491.883.861	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.314.218.848	3.715.308.676
	22.268.102.709	37.714.811.705

31
 TRẢ
 HÃ
 1101

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 31/12/2016	284.000.000.000	14.232.309.026	-	-	298.232.309.026
Điều chỉnh hồi tố (i)	-	-	-	21.931.368.594	21.931.368.594
Số dư đầu kỳ này	284.000.000.000	14.232.309.026	-	21.931.368.594	320.163.677.620
Lãi trong kỳ này	-	-	-	14.433.604.478	14.433.604.478
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(21.699.007.571)	(21.699.007.571)
Số dư cuối kỳ này	284.000.000.000	14.232.309.026	-	14.665.965.501	312.898.274.527

(i) Điều chỉnh hồi tố quỹ lương của viên chức quản lý và người lao động theo phê duyệt từ Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 06 năm 2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận 06 tháng cuối năm 2016 như sau:

	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2016	24.143.361.023
Chia cổ tức	15.620.000.000
Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS, thư ký HĐQT	1.509.000.000
Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS, thư ký HĐQT bổ sung do việc thực hiện chỉ tiêu vượt lợi nhuận kế hoạch	1.953.000.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.829.000.000
- <i>Tam trích trong 06 tháng cuối năm 2016</i>	2.211.992.429
- <i>Trích trong kỳ này</i>	2.617.007.571
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	232.361.023

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2017 VND	Tỷ lệ %	01/01/2017 VND	Tỷ lệ %
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh	144.840.000.000	51,00	144.840.000.000	51,00
Các cổ đông khác	139.160.000.000	49,00	139.160.000.000	49,00
	284.000.000.000	100,00	284.000.000.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	284.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	284.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	15.620.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.400.000	28.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.400.000	28.400.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.400.000	28.400.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

16 . NGUỒN KINH PHÍ

Nguồn kinh phí được cấp là giá trị vật tư Công ty nhận từ Ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ được giao liên quan đến hệ thống chiếu sáng công cộng.

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Doanh thu từ hoạt động duy tu và thi công xây lắp	160.926.881.498	150.425.127.006
Doanh thu khác	991.548.135	918.346.373
	<u>161.918.429.633</u>	<u>151.343.473.379</u>

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động duy tu và thi công xây lắp	116.595.994.581	106.803.934.733
Giá vốn khác	773.318.673	725.450.707
	<u>117.369.313.254</u>	<u>107.529.385.440</u>

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.523.344.499	1.676.718.028
	<u>1.523.344.499</u>	<u>1.676.718.028</u>

20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	686.281.328	548.576.616
Chi phí nhân công	12.994.654.330	17.749.588.670
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.073.806.488	802.671.610
Thuế, phí và lệ phí	467.774.937	363.897.741
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.757.977.177	5.288.080.423
Chi phí khác bằng tiền	7.799.313.471	6.162.941.523
	<u>27.779.807.731</u>	<u>30.915.756.583</u>

21 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	18.042.005.598	15.064.014.106
Thu nhập chịu thuế TNDN	18.042.005.598	15.064.014.106
Thu nhập tính thuế TNDN	18.042.005.598	15.064.014.106
- Thuế suất 25%	-	448.227.270
- Thuế suất 20%	18.042.005.598	14.615.786.836
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.608.401.120	3.035.214.185
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	(7.255.181.342)	14.729.409.924
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	(3.646.780.222)	17.764.624.109

22 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2017 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	14.433.604.478
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	14.433.604.478
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	28.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	508

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

23 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	38.039.471.504
Chi phí nhân công	53.516.766.513
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.483.485.076
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.569.341.346
Chi phí khác bằng tiền	8.222.344.256
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	115.831.408.695

24 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	124.533.966.600	-	126.958.167.721	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	164.839.772.923	(657.713.796)	204.698.676.243	(657.713.796)
	289.373.739.523	(657.713.796)	331.656.843.964	(657.713.796)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	59.474.877.734	101.087.264.460
Chi phí phải trả	5.173.722.390	6.012.542.311
	64.648.600.124	107.099.806.771

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2017				
Tiền và tương đương tiền	124.533.966.600	-	-	124.533.966.600
Phải thu khách hàng, phải thu khác	141.853.664.127	22.328.395.000	-	164.182.059.127
	266.387.630.727	22.328.395.000	-	288.716.025.727

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và tương đương tiền	126.958.167.721	-	-	126.958.167.721
Phải thu khách hàng, phải thu khác	204.040.962.447	-	-	204.040.962.447
	330.999.130.168	-	-	330.999.130.168

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2017				
Phải trả người bán, phải trả khác	59.474.877.734	-	-	59.474.877.734
Chi phí phải trả	5.173.722.390	-	-	5.173.722.390
	64.648.600.124	-	-	64.648.600.124
Tại ngày 01/01/2017				
Phải trả người bán, phải trả khác	101.087.264.460	-	-	101.087.264.460
Chi phí phải trả	6.012.542.311	-	-	6.012.542.311
	107.099.806.771	-	-	107.099.806.771

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

25 . THÔNG TIN KHÁC

Công ty tạm tính và trích quỹ lương của người lao động và quỹ lương, quỹ thù lao của viên chức quản lý tương ứng với 50% quỹ lương, quỹ thù lao kế hoạch đã được phê duyệt của năm 2017 với số tiền là: 49,7 tỷ đồng vào chi phí trong kỳ. Đây là giá trị tạm tính trên cơ sở quỹ lương kế hoạch đã được phê duyệt, quỹ lương thực hiện của năm 2017 sẽ do Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt khi có kết quả kinh doanh chính thức của cả năm 2017.

26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính giữa niên độ này.

27 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là hoạt động duy tu và thi công xây lắp, đồng thời doanh thu phát sinh chủ yếu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh do đó Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2017 VND
Chia cổ tức		
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh	Công ty mẹ	7.966.200.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2017 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị	2.184.895.352

29 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2016 đến ngày 31/12/2016 đã được Công ty TNHH Kiểm toán Ernst&Young Việt Nam kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 do Công ty lập và chưa được soát xét của Công ty TNHH Một thành viên Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh - Công ty tiền thân trước khi cổ phần hóa nên các số liệu này có thể không so sánh được với số liệu kỳ này.

Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh hồi tố theo quyết định phê duyệt quỹ lương cho viên chức quản lý và người lao động từ Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh:

	Mã số	Số đã trình bày trên	Điều chỉnh lại	Chênh lệch
		BCTC kỳ trước		
Bảng Cân đối kế toán				
Phải thu ngắn hạn khác	136	51.182.265.137	52.171.339.824	989.074.687
Thuế GTGT được khấu trừ	141	627.245.841	733.763.090	106.517.249
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	149	11.440.084.792	7.255.181.342	(4.184.903.450)
Phải trả người lao động	314	90.908.620.739	70.090.620.739	(20.818.000.000)
Phải trả ngắn hạn khác	319	37.731.885.365	37.714.811.705	(17.073.660)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23.591.640.011	19.406.033.563	(4.185.606.448)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	313		21.931.368.594	21.931.368.594



Trương Thị Thủy Ngân

Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 08 năm 2017



Nguyễn Thị Xuân Đông

Kế toán trưởng



Huỳnh Trí Dũng

Tổng Giám đốc



Số: A.0.9.4.../CV-KTTC
V/v giải trình ý kiến ngoại trừ của Công ty
kiểm toán trên Báo cáo tài chính 06 tháng
đầu năm 2017

TPHCM, ngày 30 tháng 8 năm 2017

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện công bố Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng Kiểm toán AASC.

Tại báo cáo kiểm toán ngày 30 tháng 08 năm 2017, Công ty TNHH hãng Kiểm toán AASC có nêu ý kiến kiểm toán ngoại trừ: “Tại thời điểm 31/12/2016 và 30/06/2017, một số khoản phải thu tồn đọng với tổng số tiền là 5,9 tỷ đồng đang được theo dõi trên khoản mục Phải thu ngắn hạn của khách hàng. Chúng tôi không thu thập được các tài liệu cần thiết để đánh giá khả năng thu hồi của các khoản công nợ này. Do đó chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty”.

Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TPHCM xin giải trình các nội dung trên như sau: Công ty luôn tích cực làm việc với các Chủ đầu tư để được xác nhận khoản công nợ này. Trong đó Công ty đã nhận được thông tin từ Chủ đầu tư về việc đã có quyết định cấp vốn trong năm 2017 của dự án liên quan đến số công nợ 1.998.088.811 đồng. Đối với khoản công nợ còn lại Công ty sẽ tiếp tục làm việc với các Chủ đầu để xác nhận số công nợ này.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết về các nội dung trong bản giải trình là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung công bố thông tin.

Rất mong Quý Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội xem xét và chấp thuận.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT. KTTC.


TỔNG GIÁM ĐỐC
Huỳnh Trí Dũng